|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG THCS ĐỨC GIANG** | **ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP HKI**  **MÔN ĐỊA LÍ 9**  **Năm học 2021 - 2022** |

**I. Lí thuyết**

Câu 1. Trình bày đặc điểm dân cư, lao động Việt nam?

Câu 2. Đọc Atlat về đặc điểm phân bố phát triển các ngành kinh tế Việt Nam?

Câu 3. Phân tích các điều kiện tự nhiên và tài nguyên thiên nhiên vùng Trung du và miền núi Bắc Bộ ? Đánh giá các ngành kinh tế thế mạnh của vùng?

Câu 4. Phân tích ngành kinh tế thế mạnh Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải Nam Trung Bộ ? Nêu các khó khăn 2 vùng phải đối mặt trong quá trình phát triển kinh tế ?

**Câu 5.** Phân tích các ngành kinh tế thế mạnh của vùng đồng bằng sông Hồng? Dựa vào điều kiện nào vùng phát triển ngành thế mạnh?

Câu 6. Dựa vào điều kiện nào Tây Nguyên phát triển ngành trồng cây công nghiệp dược liệu và chăn nuôi gia súc?

**II. Bài tập:**

Bài tập 1: Dựa vào bảng số liệu sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tiêu chí**  **Địa phương** | **Đất nông nghiệp**  **(nghìn ha)** | **Dân số**  **(triệu người)** |
| Cả nước (năm 2002) | 9406,8 | 79,7 |
| Đồng bằng sông Hồng | 855,2 | 17,5 |

a) Em hãy tính bình quân diện tích đất nông nghiệp theo đầu người của cả nước và đồng bằng sông Hồng.

b) Nhận xét diện tích đất nông nghiệp bình quân đầu người của cả nước và đồng bằng sông Hồng năm 2002

Bài tập 2: Dựa vào bảng số liệu thống kê năm 2002 dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Vùng kinh tế** | **Đồng bằng sông Hồng** | **Trung du miền núi Bắc Bộ** | **Tây Nguyên** | **Cả nước** |
| Mật độ dân số (người/km2) | 1.179 | 114 | 81 | 242 |

Nhận xét biểu đồ về mật độ dân số của đồng bằng sông Hồng.

Bài tập 3: Dựa vào bảng số liệu dưới đây:

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Năm  Tiêu chí (%) | 1995 | 1998 | 2000 | 2002 |
| Dân số đồng bằng sông Hồng | 100 | 103,5 | 105,6 | 108,2 |
| Sản lượng lương thực | 100 | 117,7 | 128,6 | 131,1 |
| Lương thực bình quân đầu người | 100 | 113,8 | 121,8 | 121,2 |

Tính sản lượng lương thực bình quân đầu người ở vùng đồng bằng Sông Hồng

Bài tập 4:

Qua bảng số liệu về một số sản phẩm nông nghiệp ở Duyên hải Nam Trung Bộ, hãy tính tỉ lệ tăng trưởng (%) giữa 2 năm 2002 so với năm 1995 của chăn nuôi và thuỷ sản. Nhận xét?

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| ***Năm***  ***Tiêu chí*** | *1995* | *2000* | *2002* |
| **Đàn bò *(nghìn con)*** | 1026,0 | 1132,6 | 1008,6 |
| **Thuỷ sản**  ***(nghìn tấn)*** | 339,4 | 462,9 | 521,1 |